|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phụ lục I.2**  **DỰ KIẾN DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024**  *(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)* | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  | *Đơn vị tính: Triệu đồng* |
| **STT** | **Danh mục dự án** | **ĐĐ XD** | **Tổng mức vốn đầu tư** | **Kế hoạch năm 2024** | | | **Chủ đầu tư** |
| **NSTT** | **Đất** | **XSKT** |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
|  | **Tổng số** |  |  | **3.062.946** | **2.000.000** | **868.000** |  |
| **A** | **Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp** |  |  |  |  |  |  |
| **I** | **Giao thông** |  |  |  |  |  | - |
| 1 | Dự án cải tạo đường Hùng Vương - thành phố Long Khánh (ngân sách tỉnh 50%) | LK | 254.207 |  |  |  | UBND thành phố Long Khánh |
| 2 | Dự án đường Hùng Vương nối dài, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú | TP | 91.564 |  |  |  | UBND huyện Tân Phú |
| 3 | Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 (kể cả bồi thường do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện) | BH | 783.000 |  |  |  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh |
| 4 | Xây dựng cầu Vàm Cái Sứt trên đường Hương lộ 2 nối dài | BH | 388.000 |  |  |  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh |
| 5 | Dự án đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu) | BH | 1.289.160 |  |  |  | UBND thành phố Biên Hòa |
| 6 | Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Thị Minh Khai nối dài (giai đoạn 2) từ nút giao đường Quang Trung đến đường Nguyễn Trãi, thành phố Long Khánh | LK | 96.497 |  |  |  | UBND thành phố Long Khánh |
| 7 | Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ven sông Cái, đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản, thành phố Biên Hòa | BH | 3.247.000 |  |  |  | UBND thành phố Biên Hòa |
| 8 | Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu) | BH | 1.146.000 |  |  |  | Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh |
| 9 | Dự án xây dựng kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu) | BH | 614.000 |  |  |  | UBND thành phố Biên Hòa |
| 10 | Dự án đường ven Sông Cái từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản, thành phố Biên Hòa | BH | 573.905 |  |  |  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh |
| 11 | Xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu) | BH | 1.506.539 |  |  |  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh |
| 12 | Dự án đường một chiều từ chân đồi lên đỉnh đồi Núi Cúi (ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMĐT) | TN | 10.435 |  |  |  | UBND huyện Thống Nhất |
| 13 | Dự án đường nối Cụm công nghiệp Phú Túc đi Tỉnh lộ 763 (ngân sách tỉnh 50%) | ĐQ | 96.110 |  |  |  | UBND huyện Định Quán |
| 14 | Dự án đường ven Sông Đồng Nai, huyện Định Quán (NST 100% xây lắp) | ĐQ | 36.233 |  |  |  | UBND huyện Định Quán |
| 15 | Dự án nâng cấp đường Quốc lộ 1 - Xuân Lập, thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh) (NST 100% chi phí xây dựng) | LK | 77.600 |  |  |  | UBND thành phố Long Khánh |
| 16 | Xây dựng đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại qua địa bàn huyện Thống Nhất | TN | 59.085 |  |  |  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh |
| 17 | Dự án đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 29/4 đến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa), thị trấn Trảng Bom (NST 50%) | TB | 68.016 |  |  |  | UBND huyện Trảng Bom |
| 18 | Đường Vành đai thị trấn Định Quán, huyện Định quán | ĐQ | 239.000 |  |  |  | UBND huyện Định Quán |
| 19 | Dự án nâng cấp đường vào di tích lịch sử văn hóa Căn cứ Khu ủy miền Đông, huyện Vĩnh Cửu | VC | 83.916 |  |  |  | Khu Bảo tồn Thiên nhiên Văn hóa Đồng Nai |
| 20 | Dự án nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa (ngân sách tỉnh 100% xây lắp) | BH | 88.609 |  |  |  | UBND thành phố Biên Hòa |
| 21 | Đoạn 2 (từ đầu đường số 9 đến Hương lộ 19) thuộc dự án đường 25C giai đoạn 1 (đoạn từ Hương lộ 19 đến đường 319), huyện Nhơn Trạch (trước đây là đường 25C huyện Nhơn Trạch, đoạn còn lại) | NT | 1.264.000 |  |  |  | UBND huyện Nhơn Trạch |
| 22 | Dự án đường Nguyễn Chí Thanh, huyện Tân Phú | TP | 120.938 |  |  |  | UBND huyện Tân Phú |
| 23 | Đường Nguyễn Văn Cừ, huyện Tân Phú (NST 100%) | TP | 129.943 |  |  |  | UBND huyện Tân Phú |
| 24 | Đường dọc Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ | CM | 189.220 |  |  |  | UBND huyện Cẩm Mỹ |
| 25 | Đường ấp 4 xã Sông Nhạn đi xã lộ 25, huyện Cẩm Mỹ | CM | 41.963 |  |  |  | UBND huyện Cẩm Mỹ |
| 26 | Nâng cấp tuyến đường Duy Tân (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Hàm Nghi), thành phố Long Khánh (NST 100%) | LK | 113.620 |  |  |  | UBND thành phố Long Khánh |
| 27 | Cải tạo, nâng cấp đường Hùng Vương - đoạn từ đường Nguyễn Ái Quốc (Km5+000 đến Km27+400), huyện Nhơn Trạch (NST 100%) | NT | 157.732 |  |  |  | UBND huyện Nhơn Trạch |
| 28 | Dự án nâng cấp mặt đê Ông Kèo đoạn từ Km0+000 đến Km7+500, huyện Nhơn Trạch | NT | 48.672 |  |  |  | Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi |
| 29 | Đường Xuân Hưng - Xuân Tâm (NST 50% TMĐT) | XL | 172.349 |  |  |  | UBND huyện Xuân Lộc |
| 30 | Đường Nguyễn Thị Minh Khai (giai đoạn 2), NST 100% | XL | 116.110 |  |  |  | UBND huyện Xuân Lộc |
| 31 | Đường Xuân Thành - Trảng Táo (NST 50% TMĐT) | XL | 113.353 |  |  |  | UBND huyện Xuân Lộc |
| 32 | Dự án tuyến đường kết nối vào Cảng Phước An (đoạn từ nút giao với tuyến đường 319 đến nút giao với tuyến cao tốc Bến Lức - Long Thành), huyện Nhơn Trạch | NT | 355.998 |  |  |  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh |
| 33 | Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch đến đường Quách Thị Trang), huyện Nhơn Trạch (NST100%) | NT | 639.039 |  |  |  | UBND huyện Nhơn Trạch |
| 34 | Đường song hành Quốc lộ 20, đoạn qua thị trấn Dầu Giây (đoạn từ Km0+195 đến Km1+795), huyện Thống Nhất (NST100%) | TN | 198.936 |  |  |  | UBND huyện Thống Nhất |
| 35 | Dự án đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh | LK | 1.082.000 |  |  |  | UBND thành phố Long Khánh |
| 36 | Đường song hành Quốc lộ 1A, đoạn qua thị trấn Dầu Giây (đoạn từ Km1830+820 đến Km1832+400), huyện Thống Nhất | TN | 183.000 |  |  |  | UBND huyện Thống Nhất |
| 37 | Nâng cấp đường 25B đoạn từ trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch (NST 100%) | LT-NT | 1.493.042 |  |  |  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh |
| 38 | Đường Phú Cường - La Ngà, huyện Định quán | ĐQ | 145.840 |  |  |  | UBND huyện Định Quán |
| 39 | Dự án đường tránh ngã tư Dầu Giây, huyện Thống Nhất (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư) | TN | 99.247 |  |  |  | UBND huyện Thống Nhất |
| 40 | Nâng cấp mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú (NST 50% ) | XL | 359.627 |  |  |  | UBND huyện Xuân Lộc |
| 41 | Đầu tư tuyến đường Xuân Quế đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ - TP. Long Khánh (NST 100%) (kể cả chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng do UBND huyện Cẩm Mỹ và UBND thành phố Long Khánh thực hiện) | CM-LK | 462.174 |  |  |  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh |
| 42 | Dự án chống ngập đường Đồng Khởi (đoạn từ cầu Đồng Khởi Km3+375 đến ngã 3 Thiết Giáp Km4+750), thành phố Biên Hòa | BH | 30.962 |  |  |  | UBND thành phố Biên Hòa |
| 43 | Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh | NT | 3.868.000 |  |  |  | - |
|  | Trong đó |  |  |  |  |  |  |
| a) | Dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai (kể cả hoàn trả vốn ứng trước dự toán năm 2023) |  |  |  |  |  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh |
| b) | Dự án thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai |  | 1.268.672 |  |  |  | UBND huyện Nhơn Trạch |
| 44 | Dự án thành phần 1 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai | BH-LT | 6.240.000 |  |  |  | - |
|  | Trong đó |  |  |  |  |  | - |
| a) | Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án thành phần 1 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1, chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh |  |  |  |  |  | Ban Quản lý dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh |
| 45 | Đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ) thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom (100% NST) | TB | 106.157 |  |  |  | UBND huyện Trảng Bom |
| 46 | Nâng cấp đường Hoàng Diệu, thành phố Long Khánh (NST 100%) | LK | 70.310 |  |  |  | UBND thành phố Long Khánh |
| 47 | Nâng cấp hạ tầng khu hành chính huyện Long Thành (5 tuyến đã xong giải phóng mặt bằng có dự toán là 70 tỷ đồng) | LT | 314.732 |  |  |  | UBND huyện Long Thành |
| 48 | Dự án xây dựng đường Nguyễn Du, thị trấn Tân Phú | TP | 128.700 |  |  |  | UBND huyện Tân Phú |
| **II** | **Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội** |  |  |  |  |  | - |
| 1 | Dự án xây dựng mới Nhà khách Tỉnh ủy Đồng Nai | BH | 35.980 |  |  |  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| 2 | Dự án xây dựng trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện: Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc (vốn NST hỗ trợ 44 tỷ đồng) | TP, ĐQ, VC, XL | 77.243 |  |  |  | Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai |
| **III** | **Cấp nước, thoát nước** |  |  |  |  |  | - |
| 1 | Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan | BH | 267.620 |  |  |  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| 2 | Hệ thống thoát nước khu vực Suối Nước Trong huyện Long Thành | LT | 584.830 |  |  |  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| 3 | Tuyến thoát nước đường số 2 (từ trung tâm huyện Nhơn Trạch đến Hương lộ 19), huyện Nhơn Trạch (NST 100%) | NT | 212.940 |  |  |  | UBND huyện Nhơn Trạch |
| 4 | Hệ thống thoát nước ấp Tân Đạt, Tân Phát, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom (100% NST) | TB | 88.822 |  |  |  | UBND huyện Trảng Bom |
| 5 | Dự án nạo vét và kè 2 bờ suối Reo (kênh thoát nước 5 xã Kiệm Tân), huyện Thống Nhất (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư) | TN | 299.854 |  |  |  | UBND huyện Thống Nhất |
| 6 | Trạm bơm ấp 5 xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú | TP | 41.923 |  |  |  | UBND huyện Tân Phú |
| **IV** | **Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản** |  |  |  |  |  | - |
| 1 | Hồ chứa nước Cà Ròn xã Gia Canh (kể cả chi phí BTGPMB) | ĐQ | 454.601 |  |  |  | UBND huyện Định Quán |
| 2 | Dự án kiên cố hóa tuyến kênh Bà Ký (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C), huyện Nhơn Trạch (ngân sách huyện Nhơn Trạch thực hiện bồi thường) | NT | 207.315 |  |  |  | UBND huyện Nhơn Trạch |
| 3 | Dự án kè chống sạt lở bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh phía Cù Lao phố), thành phố Biên Hòa | BH | 350.788 |  |  |  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| 4 | Trạm bơm Đắc Lua | TP | 131.058 |  |  |  | Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi |
| 5 | Nạo vét Suối Săn Máu đoạn đầu của nhánh suối chính (xuất phát từ phường Tân Hòa) đến cầu Xóm Mai | BH | 376.999 |  |  |  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| 6 | Dự án cải tạo, sửa chữa hồ Đa Tôn, huyện Tân Phú | TP | 134.445 |  |  |  | Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi |
| 7 | Dự án cải tạo, sửa chữa hồ Sông Mây, huyện Trảng Bom | TB | 59.770 |  |  |  | Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi |
| 8 | Dự án hệ thống thủy lợi cánh đồng 78A, 78B, xã Lộ 25, huyện Thống Nhất | TN | 50.554 |  |  |  | UBND huyện Thống Nhất |
| **V** | **An ninh và trật tự, an toàn xã hội** |  |  |  |  |  | - |
| 1 | Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai | BH | 654.000 |  |  |  | Công an tỉnh Đồng Nai |
| 2 | Dự án đầu tư trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho Công an tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2021 - 2025 (thực hiện thẩm định giá thiết bị, kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư) | ĐN | 988.000 |  |  |  | Công an tỉnh Đồng Nai |
| 3 | Xây dựng 05 kho vật chứng cho Công an tỉnh Đồng Nai (gồm các huyện Thống Nhất, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, thành phố Long Khánh và Phòng PC10) | ĐN | 29.416 |  |  |  | Công an tỉnh Đồng Nai |
| **VI** | **Môi trường** |  | **174.784** |  |  |  | **-** |
| 1 | Kè gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ Đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát | BH | 73.641 |  |  |  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| 2 | Dự án gia cố sạt lở bờ sông Đồng Nai đoạn ấp 8, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú (giai đoạn 1) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư) | TP | 62677 |  |  |  | Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi |
| **VII** | **Quốc phòng** |  |  |  |  |  | **-** |
| 1 | Dự án xây dựng bổ sung một số công trình của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư) | BH | 221.102 |  |  |  | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh |
| **VIII** | **Y tế, dân số và gia đình** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Trạm Y tế phường An Hòa - TP. Biên Hòa | BH | 6.688 |  |  |  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| 2 | Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ | CM | 92.447 |  |  |  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| 3 | Cải tạo, sửa chữa 03 Trạm Y tế tại xã Phú Ngọc, xã Túc Trưng, xã Gia Canh huyện Định Quán | ĐQ | 9.998 |  |  |  | UBND huyện Định Quán |
| 4 | Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Tâm huyện Xuân Lộc | XL | 928 |  |  |  | UBND huyện Xuân Lộc |
| 5 | Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Hưng huyện Xuân Lộc | XL | 885 |  |  |  | UBND huyện Xuân Lộc |
| 6 | Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Thọ huyện Xuân Lộc | XL | 1.043 |  |  |  | UBND huyện Xuân Lộc |
| 7 | Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Thành huyện Xuân Lộc | XL | 999 |  |  |  | UBND huyện Xuân Lộc |
| 8 | Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Phú huyện Xuân Lộc | XL | 1.000 |  |  |  | UBND huyện Xuân Lộc |
| 9 | Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Hòa huyện Xuân Lộc | XL | 815 |  |  |  | UBND huyện Xuân Lộc |
| 10 | Xây dựng mới Trạm Y tế xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ | CM | 14.200 |  |  |  | UBND huyện Cẩm Mỹ |
| 11 | Xây dựng mới Trạm Y tế xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ | CM | 13.900 |  |  |  | UBND huyện Cẩm Mỹ |
| 12 | Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ | CM | 14.900 |  |  |  | UBND huyện Cẩm Mỹ |
| 13 | Cải tạo, sửa chữa 04 Trạm Y tế tại phường Xuân An, phường Xuân Thanh, phường Xuân Bình, phường Phú Bình thành phố Long Khánh | LK | 12.840 |  |  |  | UBND thành phố Long Khánh |
| 14 | Xây dựng mới Trạm Y tế phường Suối Tre thành phố Long Khánh | LK | 10.580 |  |  |  | UBND thành phố Long Khánh |
| 15 | Cải tạo 04 Trạm Y tế tại xã Phú Đông, xã Phú Hội, xã Phú Thạnh, xã Vĩnh Thanh huyện Nhơn Trạch | NT | 10.900 |  |  |  | UBND huyện Nhơn Trạch |
| 16 | Xây dựng mới Trạm Y tế xã Phú Sơn huyện Tân Phú | TP | 9.800 |  |  |  | UBND huyện Tân Phú |
| **IX** | **Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Dự án đầu tư xây dựng mới Hội trường biểu diễn kết hợp khối 08 phòng lớp học đạt tiêu chuẩn - Trường Trung cấp Nghệ thuật Đồng Nai (thay thế cho dự án sửa chữa, cải tạo Ký túc xá (cũ) thành 08 phòng lớp học đạt tiêu chuẩn, làm mới sân, đường, điện tổng thể Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Đồng Nai) | BH | 36.360 |  |  |  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| 2 | Dự án cải tạo, nâng cấp hoàn chỉnh Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh đạt chuẩn quốc gia | TB | 152.000 |  |  |  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| 3 | Sửa chữa, cải tạo, di dời một số hạng mục của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai | BH | 14.985 |  |  |  | Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai |
| **X** | **Văn hóa - xã hội** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Sửa chữa, làm mới một số hạng mục tập luyện thuộc Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao | BH | 14.156 |  |  |  | Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao |
| 2 | Di dời, bố trí ổn định dân cư khu vực Đồng 4, ấp 5, xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu | VC | 149.274 |  |  |  | UBND huyện Vĩnh Cửu |
| **XI** | **Cấp vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai** |  |  |  |  |  | **Liên minh Hợp tác xã tỉnh** |
| **XII** | **Bố trí vốn thanh toán cho các dự án đã quyết toán nhưng còn thiếu vốn kế hoạch** |  |  |  |  |  | - |
| **B** | **Bố trí vốn khởi công mới cho các dự án khi hoàn thiện thủ tục đầu tư** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Dự án khu tái định cư thị trấn Dầu Giây huyện Thống Nhất | TN | 564.052 |  |  |  | Ban Quản lý dự án bồi thường giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh |
| 2 | Hạ tầng Khu tái định cư 49,32 ha phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa | BH | 2.847.170 |  |  |  | Ban Quản lý dự án bồi thường giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh |
| 3 | Khu tái định cư tại phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa | BH | 717.500 |  |  |  | Ban Quản lý dự án bồi thường giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh |
| 4 | Dự án V1 | ĐN | 436.700 |  |  |  | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh |
| 5 | Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành | XL-CM-LT | 4.311.410 |  |  |  | Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh |
| 6 | Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ĐT.770B huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh | ĐQ-TN-CM-LT-LK | 3.358.820 |  |  |  | Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh |
| 7 | Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769 huyện Thống Nhất và Long Thành | TN-LT | 3.454.600 |  |  |  | Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh |
| 8 | Dự án phần mềm quản lý đầu tư công và kế hoạch lựa chọn nhà thầu | BH | 17.446 |  |  |  | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
|  | Các dự án lĩnh vực y tế, chuyển đổi số và lĩnh vực khác khi hoàn thiện thủ tục đầu tư |  |  |  |  |  |  |
| **C** | **Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư** |  |  |  |  |  |  |